

Sản xuất và tiêu dùng bền vững

(Cách tiếp cận và lồng ghép vào kế hoạch phát triển vùng/khu vực/quốc gia)

Dương Trí Dũng

1. Khái niệm - Định nghĩa



- ***Sản xuất bền vững*** là việc khai thác các nguồn tài nguyên một cách kinh tế và hiệu quả hơn, giảm lượng chất thải và bảo vệ môi trường
 - ***Tiêu dùng bền vững*** là tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các nhu cầu một cách hiệu quả, đồng thời giảm thiểu các tác động tiêu cực về môi trường, xã hội và kinh tế
-
- Sản xuất và tiêu dùng bền vững cung cấp chìa khóa cho phép cộng đồng và cá nhân phát triển mà không cần thiết phải hy sinh chất lượng cuộc sống đồng thời không gây nguy hại đến nhu cầu của các thế hệ tương lai

1. Khái niệm - Định nghĩa

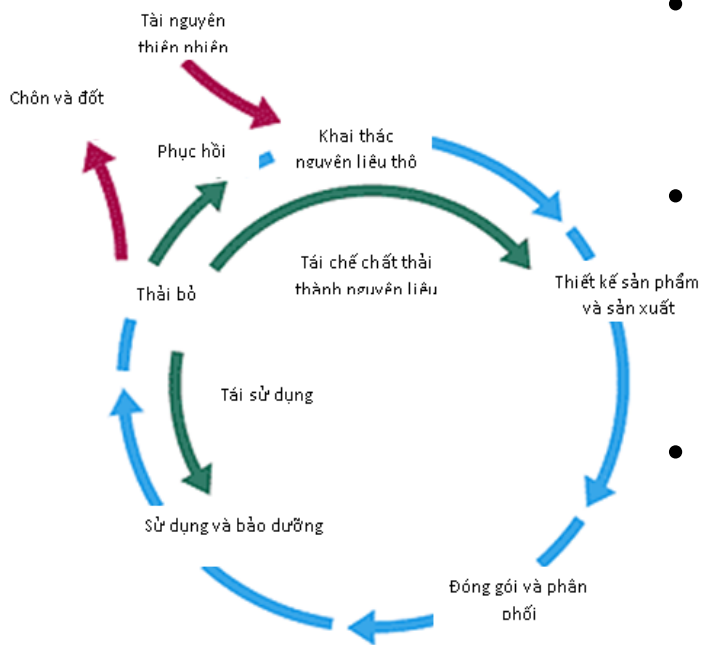
Sản xuất và tiêu dùng bền vững là việc sử dụng các **dịch vụ** và **sản phẩm** có liên quan để đáp ứng các nhu cầu cơ bản và mang lại một cuộc sống tốt hơn, đồng thời **giảm thiểu sử dụng** các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu độc hại cũng như giảm thiểu **phát thải** trong suốt vòng đời sản phẩm, sao cho không làm tổn hại đến việc thoả mãn các nhu cầu của các thế hệ tương lai (UNEP, 2012).



MỤC TIÊU SCP

- Tách xa tăng trưởng kinh tế với gia tăng sử dụng tài nguyên và năng lượng
- Tách xa tăng trưởng kinh tế với ô nhiễm môi trường
- Thông qua thay đổi mô hình sản xuất và mô hình tiêu dùng theo hướng bền vững

1. Khái niệm - Định nghĩa



ĐÍCH

- Sử dụng tối ưu nhất tài nguyên và năng lượng
- Giảm thiểu tối đa chất thải ở mọi điểm trên vòng đời SP
- Lựa chọn quay vòng các nguyên liệu trước khi chọn giải pháp cuối cùng là chôn lấp

CÔNG CỤ



Mô hình tiếp cận bền vững tại các điểm trên vòng đời sản phẩm



- Sử dụng các công cụ bền vững khác nhau để đạt được mục tiêu
- Tại mỗi điểm trên vòng đời sản phẩm sẽ áp dụng các sáng kiến và mô hình SCP khác nhau
- Áp dụng giống nhau cho toàn bộ nền kinh tế, cho các ngành, các sản phẩm

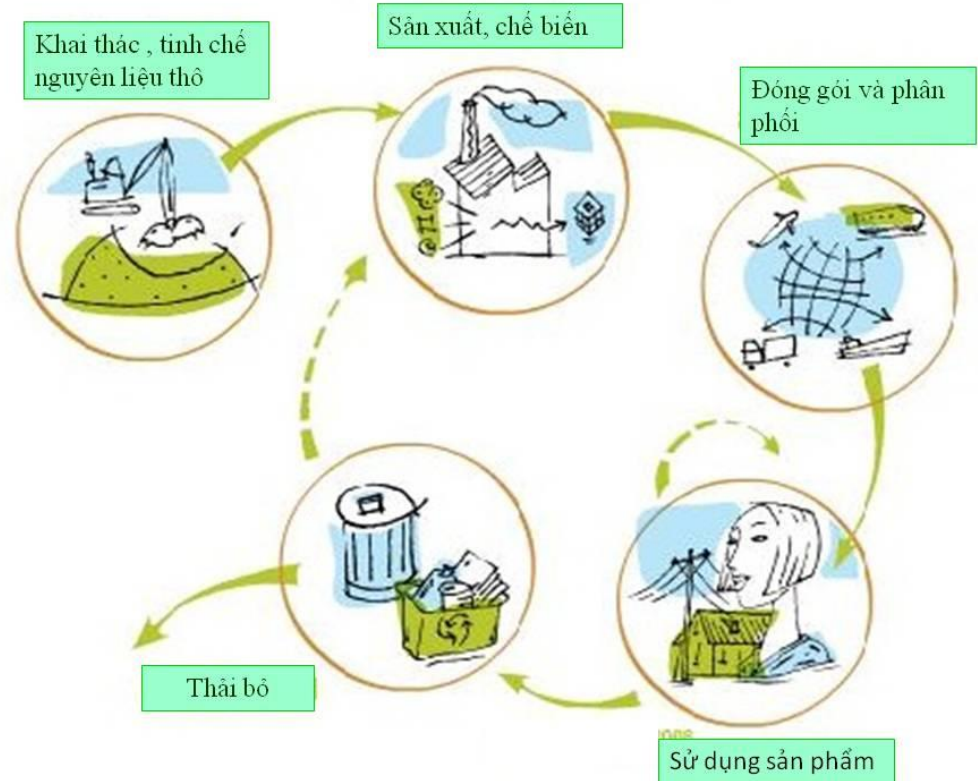
2. Mục tiêu chủ yếu của SX&TDBV

- Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng
- Sử dụng tài nguyên tái tạo và sản phẩm thân thiện môi trường
- Giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải
- Duy trì tính bền vững của hệ sinh thái

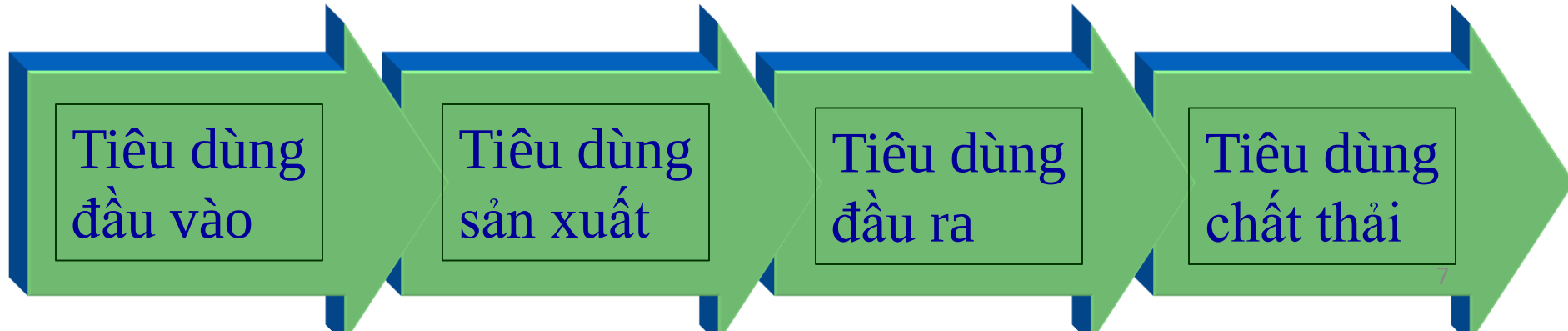


Mối liên hệ giữa sản xuất bền vững và tiêu dùng bền vững

- Vòng đời của sản phẩm và dịch vụ



- Sản xuất bản chất là một quá trình tiêu dùng, gồm 4 giai đoạn



3. Các công cụ hỗ trợ thúc đẩy SCP (theo UNEP)

Cải thiện quá trình sản xuất

- Hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn
- Thiết kế sinh thái
- Mua sắm xanh
- Quản lý chuỗi cung ứng

Phân tích và đánh giá

- Đánh giá vòng đời
- Đánh giá rủi ro môi trường
- Tính toán cân bằng vật chất
- Xác định lĩnh vực ưu tiên hành động

Quản lý

- Đánh giá tác động môi trường
- Hệ thống quản lý môi trường
- Nâng cao trách nhiệm xã hội

Truyền thông

- Truyền thông và marketing
- Dán nhãn sinh thái
- Đối thoại nhiều bên

3. Các công cụ hỗ trợ thúc đẩy SCP (theo UNEP)

- Hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn:

Là sự áp dụng liên tục các chiến lược ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trong quá trình công nghệ, sản phẩm, dịch vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro đến con người và môi trường



Gia tăng **hiệu suất sản xuất** thông qua tối ưu hóa sử dụng tài nguyên thiên nhiên (nguyên liệu, năng lượng, nước) trong toàn bộ quá trình sản xuất



Cải thiện **quản lý môi trường** thông qua giảm thiểu các tác động của toàn bộ hệ thống sản xuất đến môi trường và hệ sinh thái



Thúc đẩy **phát triển xã hội** thông qua giảm thiểu rủi ro tới con người và hỗ trợ phát triển cộng đồng



3. Các công cụ hỗ trợ thúc đẩy SCP (theo UNEP)



- **Thiết kế sinh thái:** là sự kết hợp có hệ thống các yếu tố môi trường vào giai đoạn thiết kế/phát triển sản phẩm nhằm giảm bớt các tác động xấu đến môi trường, đồng thời có thể cải thiện hiệu suất, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng các cơ hội về thị trường
- bao gồm: cải tiến, thiết kế lại, và đổi mới chức năng sản phẩm nhằm mục đích hỗ trợ thay đổi mô hình cơ bản của sản xuất và tiêu dùng

Các bước thực hiện thiết kế sinh thái

3. Các công cụ hỗ trợ thúc đẩy SCP (theo UNEP)

“Mua sắm xanh” – green purchasing/procurement”...



- là thuật ngữ được sử dụng để chỉ việc mua sắm các sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường
- là việc xem xét, cân nhắc các vấn đề môi trường đồng thời với việc xem xét, cân nhắc những tiêu chí về giá cả và hiệu quả sử dụng khi quyết định mua sắm, sao cho giảm thiểu được nhiều nhất tác động tới sức khỏe và môi trường



Chính phủ, các tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, các tổ chức dịch vụ công, các doanh nghiệp - là những nhà tiêu dùng lớn nhất và có tác động lớn nhất trong xã hội - cần thực hiện mua sắm xanh để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

3. Các công cụ hỗ trợ thúc đẩy SCP (theo UNEP)

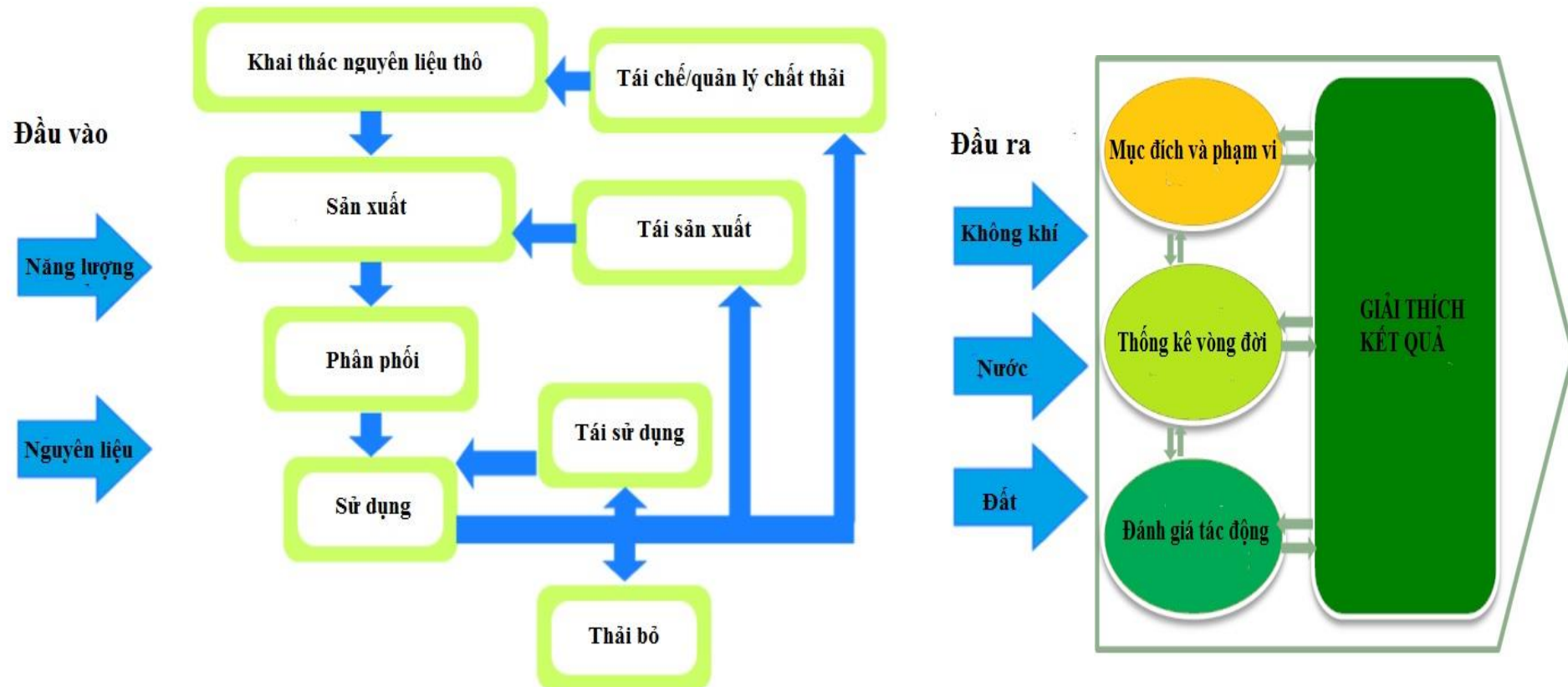


- Nhân sinh thái là nhãn chỉ ra tính ưu việt về mặt môi trường của một sản phẩm, dịch vụ so với các sản phẩm, dịch vụ cùng loại dựa trên các đánh giá vòng đời sản phẩm
- Sản phẩm thân thiện với môi trường (sản phẩm xanh) là sản phẩm trong quá trình sản xuất, tiêu thụ và thải bỏ không/ít ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, sức khỏe và đa dạng sinh học so với những sản phẩm tương tự cùng loại

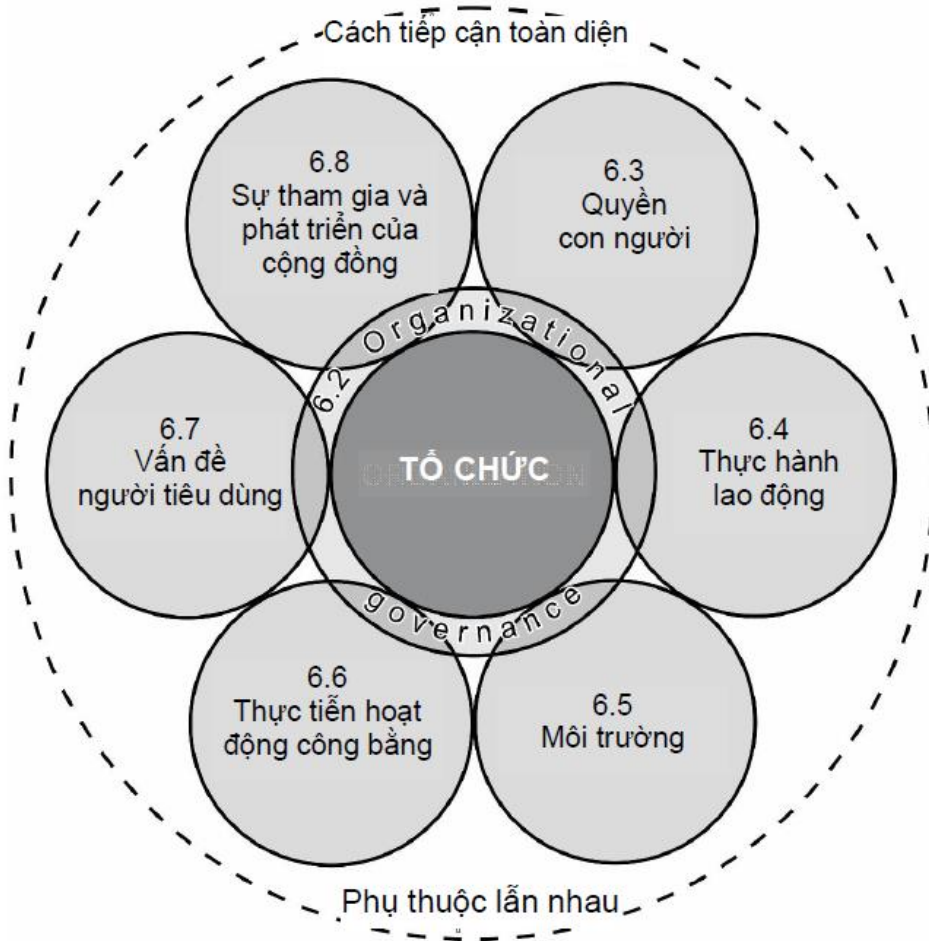


3. Các công cụ hỗ trợ thúc đẩy SCP (theo UNEP)

- Đánh giá vòng đời (LCA) là một công cụ để đánh giá các khía cạnh môi trường của một hệ thống sản phẩm hoặc dịch vụ trong tất cả các giai đoạn chu kỳ sống của sản phẩm hoặc dịch vụ đó



3. Các công cụ hỗ trợ thúc đẩy SCP (theo UNEP)



**7 chủ đề cốt lõi của trách nhiệm xã hội
(ISO 26000)**

Nâng cao trách nhiệm xã hội

- Đáp ứng các yêu cầu xã hội và môi trường
- Trong giới hạn khả năng cho phép của hệ sinh thái
- Tạo ra giá trị công bằng cho người tiêu dùng và các bên liên quan trong chuỗi giá trị



4. Các tiêu chí SX&TDBV

- Các tiêu chí/chỉ số SX&TDBV được sử dụng để đo lường tiến bộ hướng tới mô hình phát triển bền vững của sản xuất và tiêu dùng
- Các tiêu chí SX&TDBV là cơ sở quan trọng trong sự phát triển và áp dụng các công cụ SCP

Tiêu chí SX&TDBV của UNCSD

Chủ đề	Tiêu chí chính	Tiêu chí khác
Tiêu dùng nguyên liệu	Mức độ sử dụng nguyên liệu của nền kinh tế	Tiêu dùng nguyên liệu nội địa
Sử dụng năng lượng	Năng lượng tiêu thụ/năm	Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo
	Mức độ sử dụng năng lượng	
Quản lý và tái sinh chất thải	Tải lượng CTNH	Quản lý chất thải phóng xạ
	Thải bỏ và xử lý chất thải	Tải lượng chất thải
Giao thông vận tải	Phương thức vận chuyển hành khách	Phương thức vận tải hàng hóa
		Mức độ sử dụng năng lượng

Tiêu chí SX&TDBV của UNEP (dành cho các nước đang phát triển)

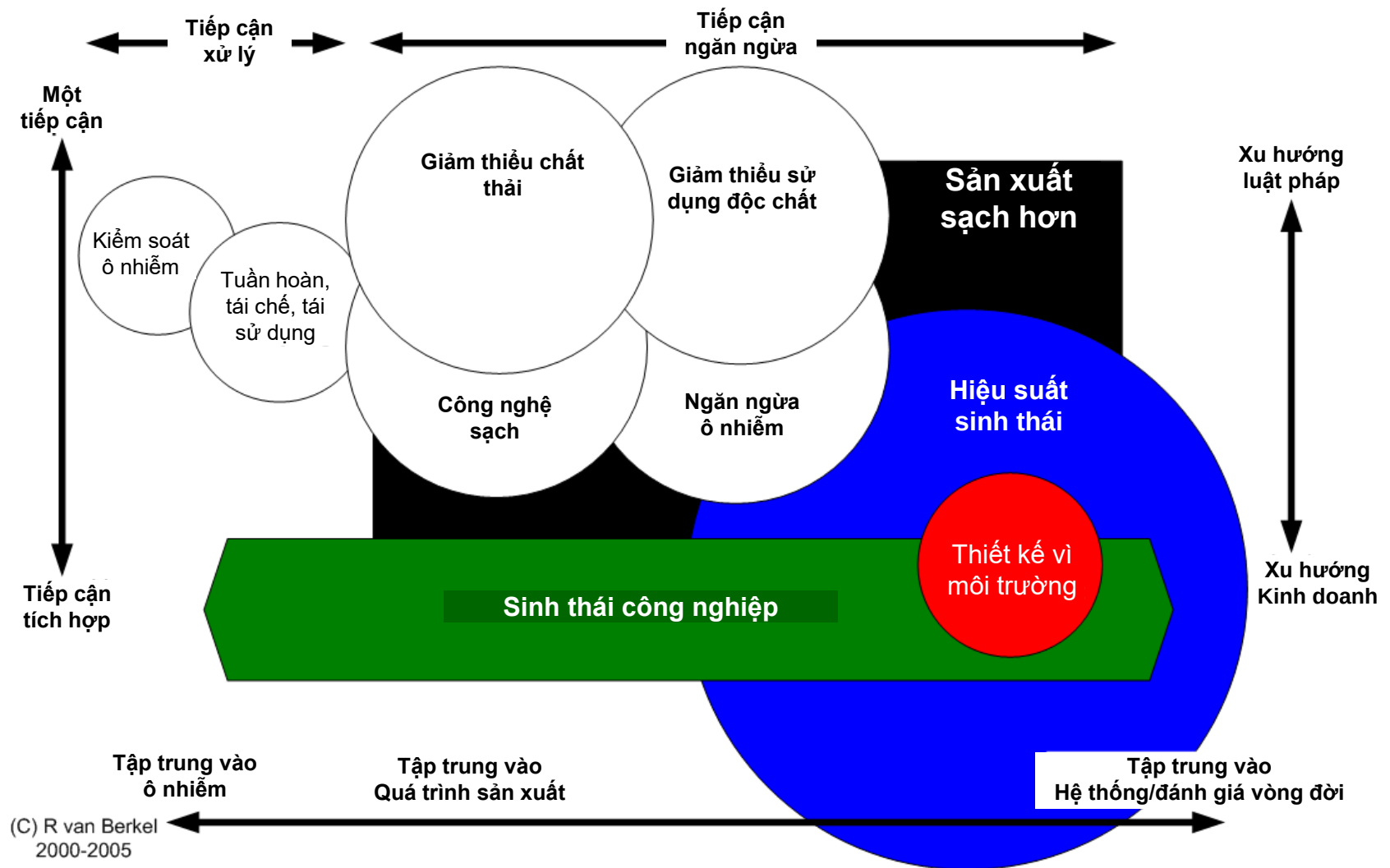
Chủ đề	Tiêu chí
Tiêu dùng nguyên liệu và sử dụng tài nguyên	1. Tiêu thụ nước trung bình trên đơn vị sản phẩm
	2. Tiêu thụ chất độc hại trên đơn vị sản phẩm
	3. Tỷ lệ tiêu thụ phân hóa học và BVTN trong sản xuất nông nghiệp
	4. Năng suất nông nghiệp (tấn sản phẩm/ha)
	5. Bình quân tiêu thụ nguyên liệu trên đầu người
	6. Mức độ cạn kiệt khoáng sản và tài nguyên không tái tạo
Sử dụng năng lượng	1. Tiêu thụ năng lượng trên đầu người/GDP
	2. Tiêu thụ năng lượng trung bình trên đơn vị sản phẩm
	3. Sản lượng điện trên đầu người
	4. Tỷ lệ năng lượng tái tạo trên tổng cung năng lượng sơ cấp (%)
Sử dụng đất và đa dạng sinh học	1. Tỷ lệ mất đất rừng (ha)
	2. Phân bổ sử dụng đất
	3. Tỷ lệ đất suy thoái và hoang mạc hóa
	4. Số loài bị đe dọa và tuyệt chủng
	5. Khu bảo tồn (% trên tổng diện tích)

Tiêu chí SX&TDBV của UNEP (dành cho các nước đang phát triển)

Chủ đề	Tiêu chí
Chất thải và ô nhiễm	1. Bình quân phát sinh CTR trên đơn vị sản phẩm
	2. Tỷ lệ tái sinh và tái sử dụng chất thải
	3. Tải lượng CTR/người/năm
	4. Tải lượng CTNH theo ngành/năm
	5. Tải lượng CO ₂ (hoặc khí nhà kính)/GDP/đầu người
	6. Nồng độ các chất ô nhiễm không khí chủ yếu trong khu đô thị
	7. Chất lượng nguồn nước nội địa và nước cấp sinh hoạt (nước uống)
Thể chế	1. Số doanh nghiệp thực hiện ISO 14001
	2. Số chương trình giảng dạy phổ thông có lồng ghép tiêu dùng bền vững
	3. Phân bổ ngân sách cho RD/GDP (%)
	4. Kinh phí đầu tư cho BVMT/GDP (%)
Khác	1. Tỷ lệ sử dụng phương tiện vận tải công cộng
	2. Diện tích đất cho phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ
	3. Tỷ lệ sử dụng điện thoại trên 1000 dân
	4. Số thuê bao internet trên 1000 dân

Chủ đề	Tiêu chí
Kinh tế – xã hội	1. Tăng trưởng GDP hàng năm (%)/đầu người
	2. GDP từ công nghiệp (%)/GDP từ nông nghiệp (%)
	3. Tỷ lệ đầu tư trong GDP
	4. Tỷ lệ nhập khẩu/xuất khẩu theo từng nhóm ngành
	5. Tỷ lệ thất nghiệp (%)
	6. Hệ số Gini (hệ số bất bình đẳng thu nhập)
	7. Tỷ lệ sống dưới mức nghèo (%)
	8. Tốc độ tăng dân số
	9. Tỷ lệ mù chữ (%)
	10. Tỷ lệ sử dụng nước sạch (%)
	11. Tỷ lệ sử dụng nhà vệ sinh hợp chuẩn (%)
	12. Tỷ lệ được chăm sóc y tế (%)
	13. Lượng Kcal tiêu dùng hàng ngày đối với người lớn (an toàn thực phẩm)
	14. Tỷ lệ nhà ở hợp chuẩn/không hợp chuẩn
	15. Số lượng chuyên gia tham gia đào tạo, hội thảo về xây dựng bền vững
	16. Tỷ lệ đóng góp của DNVVN vào GDP (hoặc việc làm)
	17. Số lượng trẻ em phải làm việc

5. Các tiếp cận mới



Nguồn: Van Berkel (2007), SXSH và Hiệu suất sinh thái, trích từ Sổ tay quốc tế về Quản lý công nghệ môi trường

5. Các tiếp cận mới

❖ Hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP)

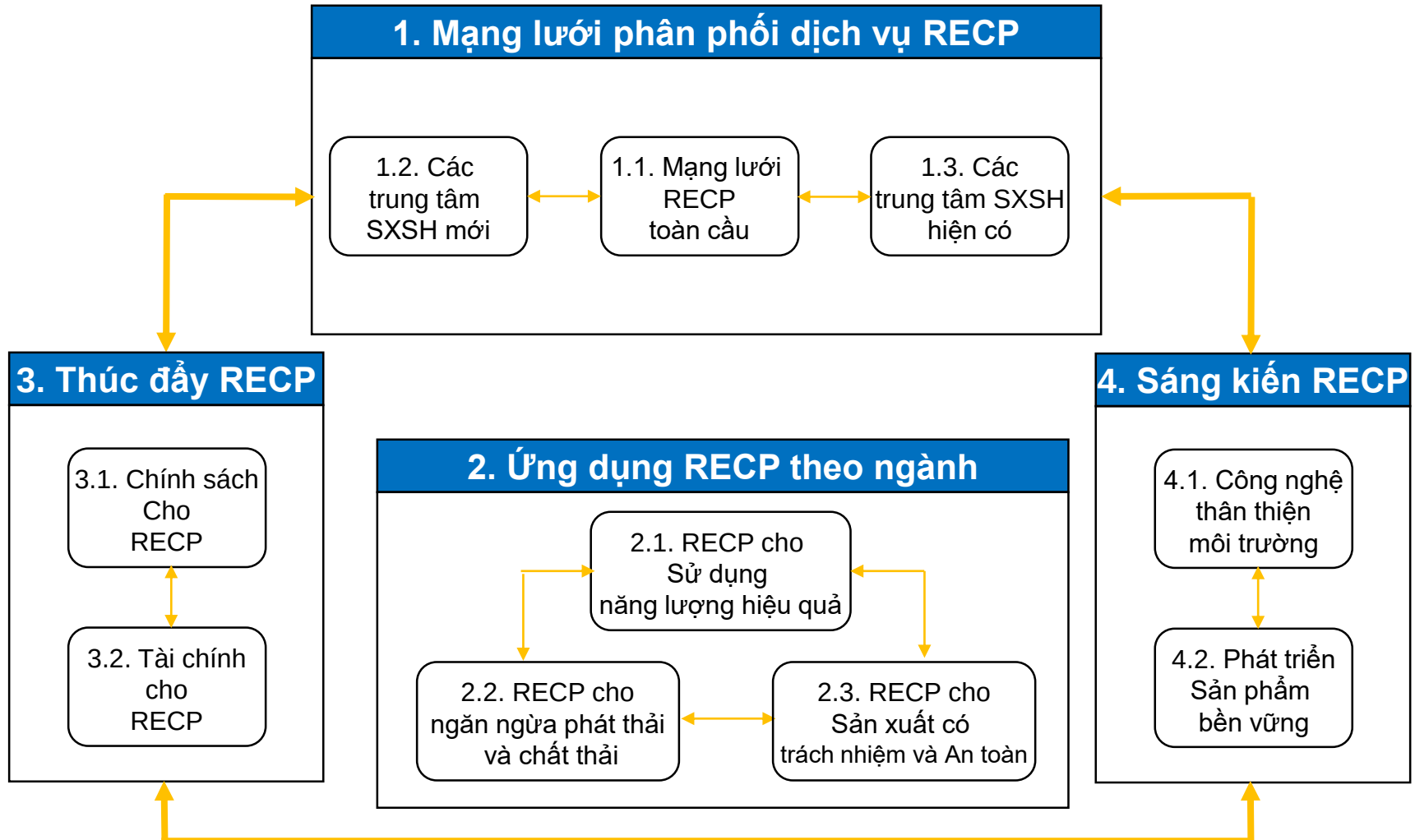
RECP là việc áp dụng liên tục một chiến lược phòng ngừa tổng hợp về môi trường vào các quá trình sản xuất, các sản phẩm và dịch vụ để tăng hiệu suất và giảm rủi ro cho con người và môi trường

RECP nhằm nâng cao:

- **Hiệu suất sản xuất** thông qua việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên tại các doanh nghiệp;
- **Bảo tồn môi trường** thông qua việc giảm thiểu tác động đến tự nhiên của các doanh nghiệp;
- **Phát triển con người** thông qua việc giảm các mối nguy hại tới con người và cộng đồng; hỗ trợ sự phát triển con người

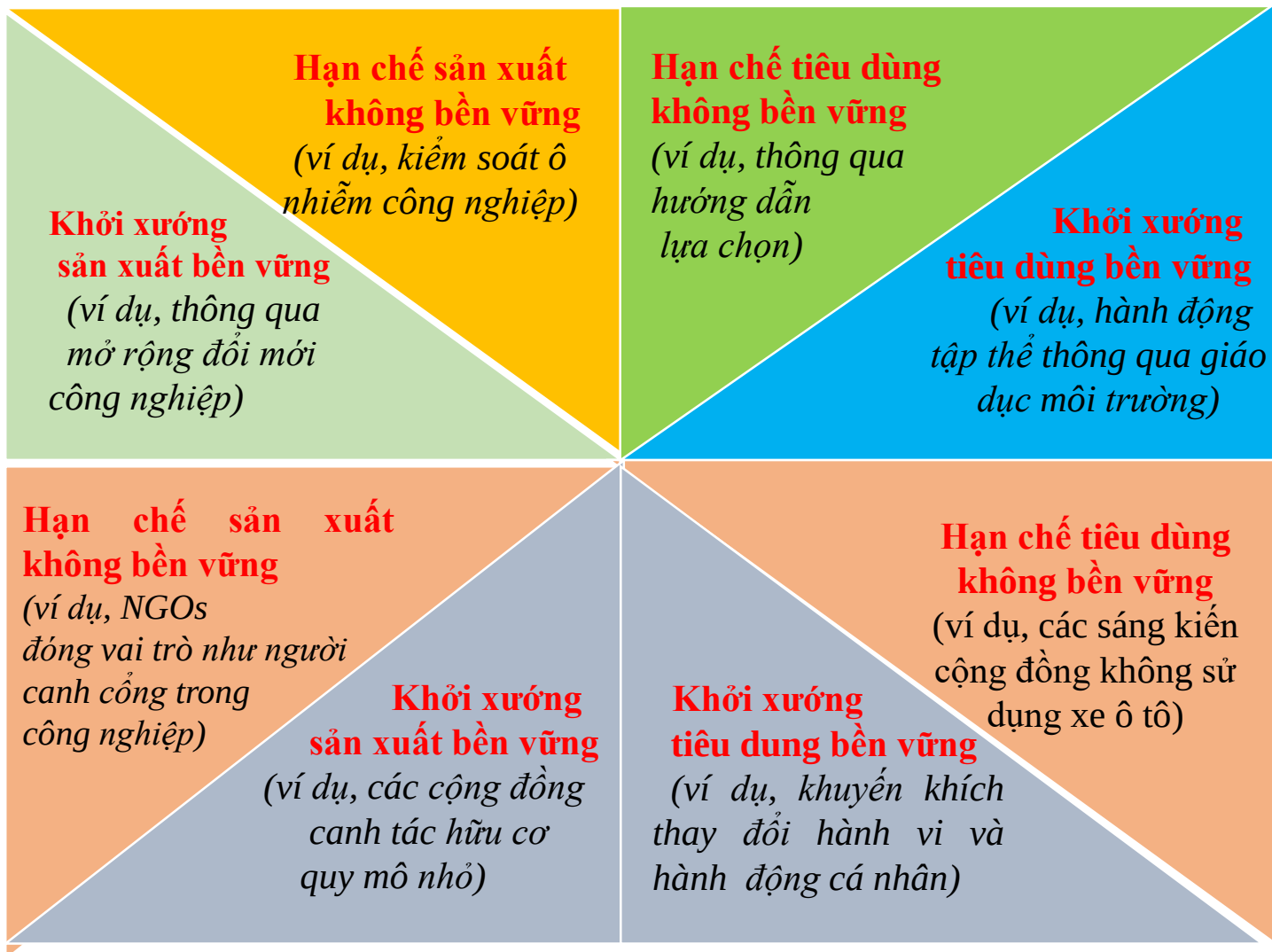
5. Các tiếp cận mới

❖ Các module trong chương trình RECP của UNIDO-UNEP



Tiếp cận từ trên xuống

Sản
xuất



Tiêu
dùng

Tiếp cận từ dưới lên

5. Các tiếp cận mới

- **Tiếp cận từ trên xuống, hạn chế tiêu dùng không bền vững:** Chính quyền đô thị ban hành các quy định chặt chẽ về mua bán, đăng ký và sử dụng phương tiện giao thông cá nhân tại các thành phố như Bắc Kinh, Thượng Hải
- **Tiếp cận từ dưới lên, khởi xướng tiêu dùng bền vững:** Thay đổi phương thức giao thông đô thị thông qua xây dựng các thỏa thuận và mạng lưới NGO, nâng cao nhận thức và xúc tiến tiếp cận mới với giao thông carbon thấp
- **Tiếp cận từ dưới lên đối với sản xuất bền vững:** Thỏa thuận giữa nông dân và các tổ chức dân sự xã hội về sản xuất thực phẩm sinh thái và sinh kế bền vững cho vùng nông thôn của Tứ Xuyên
- **Tiếp cận từ trên xuống, hạn chế sản xuất không bền vững:** “Thỏa thuận tự nguyện” của 1.000 doanh nghiệp công nghiệp hàng đầu về chương trình sử dụng hiệu quả năng lượng trong kế hoạch 5 năm lần thứ 11

6. Áp dụng/lồng ghép SCP ở Việt Nam

Lĩnh vực	Đã có	Chưa có	Nội dung/Mục tiêu hướng tới	Chính sách hiện hành đến 2020, tầm nhìn đến 2030, 2050
A- Ưu tiên theo lĩnh vực				
1. Năng lượng	x		Tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo	Luật TKNL; Chương trình MTQG về TKNL, Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Đề án phát triển nhiên liệu sinh học
2. Nông nghiệp	x		Nông nghiệp hữu cơ; Viet GAP, Global GAP; chứng chỉ bền vững trong sản xuất nông nghiệp: MSC, SFC	Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn; Kế hoạch hành động ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững...
3. Tòa nhà và xây dựng	x		Tòa nhà xanh; vật liệu bền vững; công nghệ xây dựng xanh	Nằm trong Chương trình MTQG về TKNL; Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành xây dựng giai đoạn 2014-2020
4. Giao thông vận tải	x		Giao thông xanh	KHHĐ của Bộ GTVT về phát triển bền vững, Đề án "Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải"; Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam; Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải
5. Quản lý chất thải	x		Tăng cường quản lý, giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải	Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn; Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt
6. Công nghiệp	x		Khai thác và sử dụng sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; Đổi mới, áp dụng công nghệ sạch; SXSH, ISO 14000, SA8000; công nghiệp môi trường	Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển Công nghiệp; Chương trình MTQG về TKNL; Chiến lược SXSH; Đề án phát triển ngành CNMT; Chiến lược phát triển công nghệ sạch; chương trình Nâng cao NSCL cho các doanh nghiệp Việt Nam..

6. Áp dụng/lồng ghép SCP ở Việt Nam

Lĩnh vực	Đã có	Chưa có	Nội dung/Mục tiêu hướng tới	Chính sách hiện hành đến 2020, tầm nhìn đến 2030, 2050
B- Ưu tiên theo liên ngành				
8. Khung tài chính cho SCP		x		Chưa có
9. Mua sắm xanh	x		Thúc đẩy tiêu dùng các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, nhãn TKNL	Quyết định 68/2011/QĐ-TTg Ban hành danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị mua sắm với cơ quan đơn vị sử dụng NSNN Kế hoạch quốc gia về tăng trưởng xanh
10. Sản phẩm và dịch vụ bền vững; dán nhãn và tiêu chuẩn	x		Nhãn xanh, nhãn năng lượng, sản phẩm sinh thái, tái chế, hàng hóa và dịch vụ môi trường	Chương trình Dán nhãn tiết kiệm năng lượng; Chương trình cấp nhãn sinh thái
12. Giáo dục, thông tin về SCP và lối sống bền vững		x	Tuyên truyền về TKNL, SXSH, giảm thiểu BĐKH, bảo vệ môi trường.	
13. Chuỗi cung ứng bền vững		x	Liên kết các NHÀ trên chuỗi cung ứng 1 sản phẩm	
14. Phát triển bền vững đô thị và nông thôn	x		Xây dựng đô thị và nông thôn bền vững	Đang thực hiện, được lồng ghép vào trong các Chương trình trong lĩnh vực nông nghiệp
15. Sản xuất sạch hơn	x		Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng trong các quá trình sản xuất	Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020
16. Mạng lưới thông tin SCP vùng		x	Trao đổi, chia sẻ thông tin về thực hiện SCP khu vực	Chưa có

6. Áp dụng/lồng ghép SCP ở Việt Nam

Lĩnh vực	Đã có	Chưa có	Nội dung/Mục tiêu hướng tới	Chính sách hiện hành đến 2020, tầm nhìn đến 2030, 2050
C- Các vấn đề liên ngành/lĩnh vực khác:				
17. Xuất/nhập khẩu bền vững		x	Thúc đẩy xuất khẩu theo hướng bền vững	Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá; Đề án phát triển thương mại trong nước; Đề án quản lý nhập khẩu. Tuy nhiên, chưa có các hoạt động tổng thể về XNK bền vững.
18. Phân phối bền vững	x		Xanh hóa hệ thống phân phối; Phát triển kênh/mạng lưới phân phối cho các sản phẩm thân thiện môi trường	Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc ; Quy hoạch mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại. Tuy nhiên chưa có các nội dung về phân phối bền vững.
19. Đổi mới sinh thái		x	Hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lực trên toàn chuỗi sản phẩm	Chưa có

6. Áp dụng/lồng ghép SCP ở Việt Nam

Đánh giá và định hướng ƯU TIÊN trong THỰC HIỆN SCP tại Việt Nam

1. Các chính sách hiện hành tập trung nhiều vào khâu sản xuất, trong khi các điểm còn lại như phân phối, tiêu dùng và thải bỏ thì phần lớn còn bỏ ngỏ; Bản thân trong khâu sản xuất, các Chương trình hiện tại đang tiếp cận một cách đơn lẻ (theo từng khâu trong vòng đời SP) và tiếp cận đơn lẻ đối với từng doanh nghiệp. **CẦN:**
 - *Tạo ra thay đổi trên tất cả các khâu, bắt đầu từ mô hình kinh doanh – Triển khai thực hiện(sản xuất) – Phân phối – Tiêu dùng (trong nước/xuất khẩu) đến thải bỏ*
 - *Liên kết các doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả về cộng sinh công nghiệp trong các Khu/Cụm công nghiệp*
2. Việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường còn hạn chế: một số sản phẩm trên thị trường chủ yếu tập trung vào các sản phẩm nông sản, thực phẩm hữu cơ, các sản phẩm TKNL ... **CẦN:** Tăng cường việc cung ứng các sản phẩm thân thiện với môi trường đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng

6. Áp dụng/lồng ghép SCP ở Việt Nam

Đánh giá và định hướng ƯU TIÊN trong THỰC HIỆN SCP tại Việt Nam

3. Khâu tổ chức thị trường, lưu thông, phân phối sản phẩm chưa được quan tâm một cách đúng mức; các kênh/hình thức phân các sản phẩm thân thiện môi trường ở Việt Nam còn nghèo nàn, các vấn đề ô nhiễm môi trường trong các hệ thống phân phối còn khá phổ biến. **CẦN:**

- Xanh hóa hệ thống sản xuất: Áp dụng giải pháp về SXSH, TKNL, xử lý ô nhiễm
- Phát triển các mô hình phân phối xanh và phân phối các sản phẩm thân thiện môi trường

4. Thiếu sự kết nối trong việc đưa sản phẩm hình thành từ sản xuất bền vững ra thị trường thông qua chuỗi cung ứng bền vững. **CẦN:** Hình thành liên kết bền vững giữa các NHÀ: Nhà sản xuất – Nhà phân phối – Nhà tiêu dùng

5. Thực hiện xuất khẩu và nhập khẩu theo hướng bền vững còn hạn chế ; năng lực của doanh nghiệp còn hạn chế trong việc đáp ứng các yêu cầu/tiêu chuẩn về môi trường và phát triển bền vững của thị trường nhậu khẩu. **CẦN:**

- Thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm đã được dán nhãn sinh thái, chủ động tham gia và chuỗi cung ứng các sản phẩm xanh toàn cầu
- Nâng cao năng lực, hướng dẫn doanh nghiệp xuất khẩu thực hiện các yêu cầu của nhà nhập khẩu về môi trường, PTBV

6. Áp dụng/lồng ghép SCP ở Việt Nam

Đánh giá chung và định hướng NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN chương trình quốc gia về SCP tại Việt Nam

6. Nhận thức của người tiêu dùng cũng như việc cung cấp thông tin tới người tiêu dùng về các sản phẩm thân thiện môi trường còn hạn chế. Các hoạt động truyền thông về SCP đang được lồng ghép trong nhiều Chương trình có liên quan; Hoạt động dán nhãn đang tập trung nhiều vào các sản phẩm TKNL, trong khi nhãn xanh Việt Nam mới chỉ có 3 sản phẩm được dán. **CẦN:**

- **Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động dán nhãn sinh thái, xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm**
- **Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về SCP**

7. Trong khâu thải bỏ, mặc dù đã có các quy định, chương trình, hoạt động cụ thể nhằm khuyến khích việc giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải trong tất cả các khâu từ sản xuất, tới phân phối, tiêu dùng tuy nhiên kết quả còn hạn chế. **CẦN:** Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động về giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải (3R)